

The background of the cover is a photograph of a large, curved structure, likely the interior of a stadium or arena, featuring a complex network of yellow-painted steel beams and supports. The structure is viewed from a low angle, looking up, creating a sense of depth and scale. A large green rectangular area is overlaid on the left side of the image, containing the text.

CHUBB®

Báo cáo thường niên 2018

Chubb Life FMC

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ Tịch công ty
Tổng quan về Công ty QLQ Clubb Life
Chặng đường phát triển

HIỆU QUẢ CHẤP CÁNH TƯƠNG LAI
Tổng quan vĩ mô
Kết quả hoạt động kinh doanh
Tình hình tài chính
Kết quả hoạt động Quản lý danh mục đầu tư
Chủ sở hữu, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

QUẢN TRỊ TỐT NÂNG ĐỠ TƯƠNG LAI
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro chính
Ban điều hành
Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành
Báo cáo và đánh giá của Giám đốc

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KIẾN TẠO
TƯƠNG LAI
Báo cáo các hoạt động liên quan đến
môi trường và xã hội của công ty

SỰ MINH BẠCH ĐẢM BẢO CƠ HỘI
Báo cáo tài chính 2018



Chubb Life

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life
Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower,
115 Nguyễn Huệ, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (28) 3914 1666
Fax: +84 (28) 3821 6777
www.chubblifefund.com

CHUBB

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY



Kính gửi Quý Khách hàng và Đối tác,

Năm 2018 khép lại với những thành tựu đặc biệt trong phát triển kinh tế Việt Nam, với tăng trưởng kinh tế đạt mức 7.08%. Đây là mức cao nhất trong 11 năm qua và đưa Việt Nam trở thành quốc gia nằm trong nhóm các nước tăng trưởng cao nhất trong khu vực và thế giới. Bối cảnh thuận lợi từ kinh tế vĩ mô đã tạo ra một năm kinh doanh khả quan của tập đoàn Chubb tại Việt Nam.

Năm 2018 đã đánh dấu một mốc quan trọng trong chặng đường phát triển của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life (Chubb Life FMC) khi chúng tôi đã thực hiện thành công đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Mở rộng Chubb - Quỹ mở đầu tiên do công ty thành lập và quản lý. Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Mở rộng Chubb với danh mục đầu tư tập trung vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ mang đến cho Nhà đầu tư một danh mục đầu tư ổn định.

Trong năm 2019, chúng tôi sẽ tiếp tục mục tiêu phát triển bền vững, lấy hiệu quả là nguyên tắc trong kinh doanh, lấy sự minh bạch và an toàn làm phương châm hành động. Chubb Life FMC sẽ tiếp tục theo đuổi các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực tài chính có mục đích sinh lời hợp lý và khả năng tạo ra nguồn thu nhập ổn định trong tương lai.

Nhân dịp này, với tư cách là Chủ tịch Công ty, tôi xin trân trọng gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách hàng và Đối tác.

Xin kính chúc Quý vị một năm 2019 nhiều sức khỏe và thành công!

Chủ tịch công ty
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
CHUBB LIFE
Lam Hải Tuấn
TP. HỒ CHÍ MINH

Tháng 4 năm 2019

Tổng Quan Về Công Ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life

Thông tin khái quát

- Tên đăng ký: **Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life**
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 52/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 24/10/2013;
Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/06/2014;
Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/09/2015;
Giấy phép điều chỉnh thay đổi tên số 03/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp ngày 04/04/2016.
- Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ
- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam
- Địa chỉ: Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Q 1, TP. HCM
- Số điện thoại: (028) 3914 1666
- Số fax: (028) 3821 6777
- Website: www.chubblifefund.com.vn

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life (Chubb Life FMC) là công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp ra đời nhằm bảo đảm trách nhiệm ngày càng tăng của Chubb Life đối với khách hàng, đồng thời tối ưu hóa lợi suất đầu tư trong những sản phẩm bảo hiểm hiện nay. Cùng với quy trình đầu tư và quản lý rủi ro bài bản theo tiêu chuẩn quốc tế, các chuyên viên làm việc tại Công ty đều đạt chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan, điều này đảm bảo tài sản của khách hàng được đảm bảo an toàn và mang lại hiệu suất tối ưu.

Là công ty con của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (Chubb Life) nên Chubb Life FMC được thừa hưởng các thế mạnh tài chính vững mạnh từ Công ty mẹ và Tập đoàn.

Chubb Life FMC luôn nỗ lực không ngừng phát triển năng lực cốt lõi và củng cố nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực phân tích tài chính. Chúng tôi tin rằng việc đầu tư chiến lược vào đội ngũ phân tích tài chính sẽ tạo nền tảng cơ bản vững chắc để Chubb Life FMC có thể thích nghi và đáp ứng nhanh chóng các nhu cầu của khách hàng vốn thay đổi và gia tăng liên tục. Bên cạnh các mục tiêu phát triển kinh doanh, Chubb Life FMC luôn đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp vốn là nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Trải qua 06 năm hình thành và phát triển, Chubb Life FMC đã và đang tiếp tục dần khẳng định vị thế của mình trong ngành. Song song với việc phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, Chubb Life FMC cũng rất chú trọng đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng thông qua việc thực hiện các chương trình hướng tới cộng đồng nhằm đóng góp vào quá trình phát triển chung của Việt Nam.

Chặng Đường Phát Triển

2013

Công ty chính thức được thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK vào ngày 24/10/2013.

Vốn điều lệ ban đầu là 25 tỷ đồng.

2014

Công ty dời trụ sở từ Phan Đình Phùng, Quận Phú Nhuận về Tòa nhà Sun Wah Tower, Tầng 8, 115 Nguyễn Huệ, Q1, TP.HCM theo Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/06/2014.

2015

Công ty tăng vốn điều lệ thêm 1 tỷ đồng, nâng tổng Vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/09/2015.

2016

Công ty đổi tên từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý Quỹ ACE Life thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life theo Giấy phép điều chỉnh thay đổi tên số 03/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp ngày 04/04/2016.

2017

Công ty chuẩn bị cho sự ra đời Quỹ mở đầu tiên do công ty quản lý.

Tổng tài sản ủy thác đầu tư là hơn 6.200 tỷ đồng, tăng gần 3 lần từ khi thành lập.

2018

Công ty đã thực hiện thành công đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb do Công ty quản lý.

HIỆU QUẢ CHẤP CẢNH TƯƠNG LAI

Tổng Quan Vĩ Mô

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có những gam màu sáng trong năm 2018, cụ thể tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 7.08%, cao hơn so với mức tăng 6.81% của năm 2017.

Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức ổn định nhờ chính sách tiền tệ được duy trì thận trọng và xu hướng hạ nhiệt của giá xăng dầu và thực phẩm trong các tháng cuối năm 2018. CPI 2018 tăng 3.54% so với cùng kỳ và tăng 2.98% so với đầu năm. Tuy vậy, lạm phát đã không còn ở mức thấp, cộng thêm tỷ giá chịu sức ép từ tình trạng đồng USD gia tăng trên thị trường thế giới khiến dự địa nổi lũng thêm chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước (NHNN) là khá thấp.

Việt Nam đã xuất siêu mạnh trong năm 2018 với mức xuất siêu là 7.2 tỷ USD. Sản xuất công nghiệp nói chung thể hiện qua chỉ số PMI rất khả quan khi dao động trong khung 52 - 56 điểm trong suốt năm 2018.

Triển vọng năm 2019, kinh tế vĩ mô của Việt Nam nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì ổn định và tăng trưởng tốt nhờ động lực mạnh mẽ từ khu vực tư nhân và khu vực FDI mặc dù gặp một số thách thức từ môi trường vĩ mô thế giới. Mặt bằng lãi suất tiếp tục được duy trì ổn định và tăng trưởng tín dụng hợp lý tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng từ khu vực tư nhân.

Trong năm 2019, khả năng GDP sẽ tăng trưởng khoảng 6.8%, lạm phát sẽ không còn ở mức thấp nhưng vẫn dưới 4 % do chính sách tiền tệ được kiểm soát khiến áp lực tiền tệ lên lạm phát không cao. Thị trường ngoại hối sẽ vẫn chịu sức ép từ lộ trình tăng lãi suất của FED nhưng không còn quá mạnh và NHNN đủ khả năng điều tiết nhờ dự trữ ngoại hối cao với biên độ tăng tỷ giá VND/USD khoảng 2%- 3%. Tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ quanh mức 15% và mặt bằng lãi suất điều hành sẽ có thể duy trì ở mức như hiện nay hoặc tăng nhẹ 0.25% do quan điểm thận trọng của NHNN.

Khả năng tăng trưởng khả quan của nền kinh tế vẫn được duy trì trong 2019. Kinh tế vĩ mô cơ bản giữ ổn định với lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá được giữ ổn định trong khi cán cân thanh toán thặng dư hỗ trợ dự trữ ngoại hối gia tăng.

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của công ty như dưới đây:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ trước 2017	Kỳ này 2018
1	2	3	5	4
1. Doanh thu	1	VI.28	7.926.120.061	9.708.120.668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.29	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		7.926.120.061	9.708.120.668
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.30	(2.382.046.478)	(2.601.161.979)
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		5.544.073.583	7.106.958.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	1.872.061.471	2.157.815.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.32	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	(3.659.988.876)	(3.827.416.943)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		3.756.146.178	5.437.357.589
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.756.146.178	5.437.357.589
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	(808.060.708)	(1.064.532.937)
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	55.448.884	(36.668.224)
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.003.534.354	4.336.156.428

Trong năm 2018:

Tổng doanh thu đạt: 11.865.936.511 VNĐ, tăng 21.1 % so với cùng kỳ 2017.

Lợi nhuận sau thuế: 4.336.156.428 VNĐ, tăng 44.4 % so với cùng kỳ 2017.

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2018, đặc biệt là mức độ tăng trưởng lợi nhuận vượt trội đã thể hiện được sự nỗ lực của toàn bộ nhân viên trong công ty.

Cùng với diễn biến kinh tế vĩ mô khá thuận lợi, hy vọng năm 2019 sẽ là một năm thành công hơn nữa của công ty cũng như toàn ngành tài chính.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Với kết quả đạt được như trên, Công ty đã hoàn thành hơn 120% kế hoạch của năm 2018

Kế hoạch cho năm tài chính 2019: Tổng doanh thu: 15.100.000.000 VNĐ

Lợi nhuận trước thuế: 6.500.000.000 VNĐ

Lợi nhuận sau thuế: 5.200.000.000 VNĐ

Tình Hình Tài Chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	32.416.517.986	37.005.453.388	14
Doanh thu	7.926.120.061	9.708.120.668	22
Thuế và các khoản phải nộp	808.060.708	1.064.532.937	32
Lợi nhuận trước thuế	3.756.146.178	5.437.357.589	45
Lợi nhuận sau thuế	3.003.534.354	4.336.156.428	44



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu/Figures	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital	26.000.000.000	26.000.000.000	
- Tổng tài sản có/ Total assets	32.416.517.986	37.005.453.388	
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio	419.42%	452.13%	

2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>	7.926.120.061	9.708.120.668	
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>	10	10	
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>	10	10	



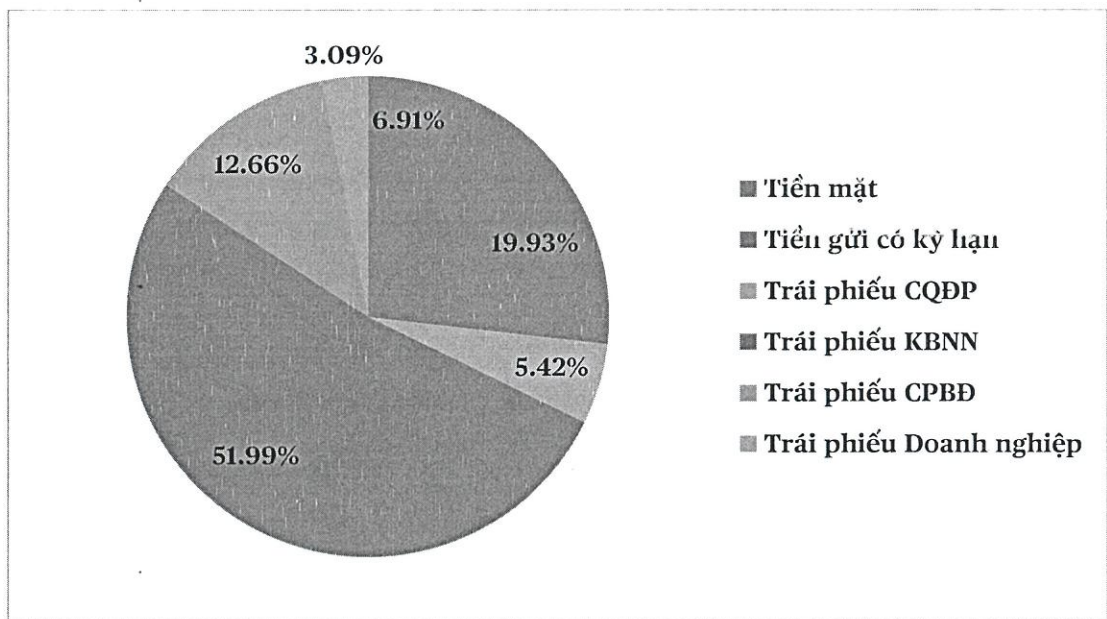
Kết Quả Hoạt Động Quản Lý Danh Mục Đầu Tư

Kể từ khi thành lập, Chubb Life FMC đã kiên định với chiến lược đầu tư ban đầu được đề ra, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc phân bổ tài sản đầu tư hợp lý và chọn lựa tài sản mục tiêu kỹ lưỡng.

Bộ phận đầu tư đã đánh giá xu hướng lãi suất dài hạn và xây dựng danh mục nắm giữ chủ yếu là Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn từ 15 đến 30 năm trước khi chứng kiến sự sụt giảm của lãi suất trái phiếu trong năm 2018. Nhờ đó, giá trị thị trường của danh mục trái phiếu gia tăng đáng kể trong năm. Cùng với việc kéo dài kỳ hạn trung bình của tài sản, danh mục đầu tư mang lại lợi suất ổn định trong thời gian dài. Bên cạnh đó năm nay chúng tôi đã đa dạng hóa danh mục đầu tư vào Trái phiếu chính quyền địa phương Thành phố Hồ Chí Minh và Trái phiếu các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng trong thời gian tới nhằm góp phần gia tăng lợi suất cho danh mục.

Cơ cấu phân bổ danh mục đầu tư:

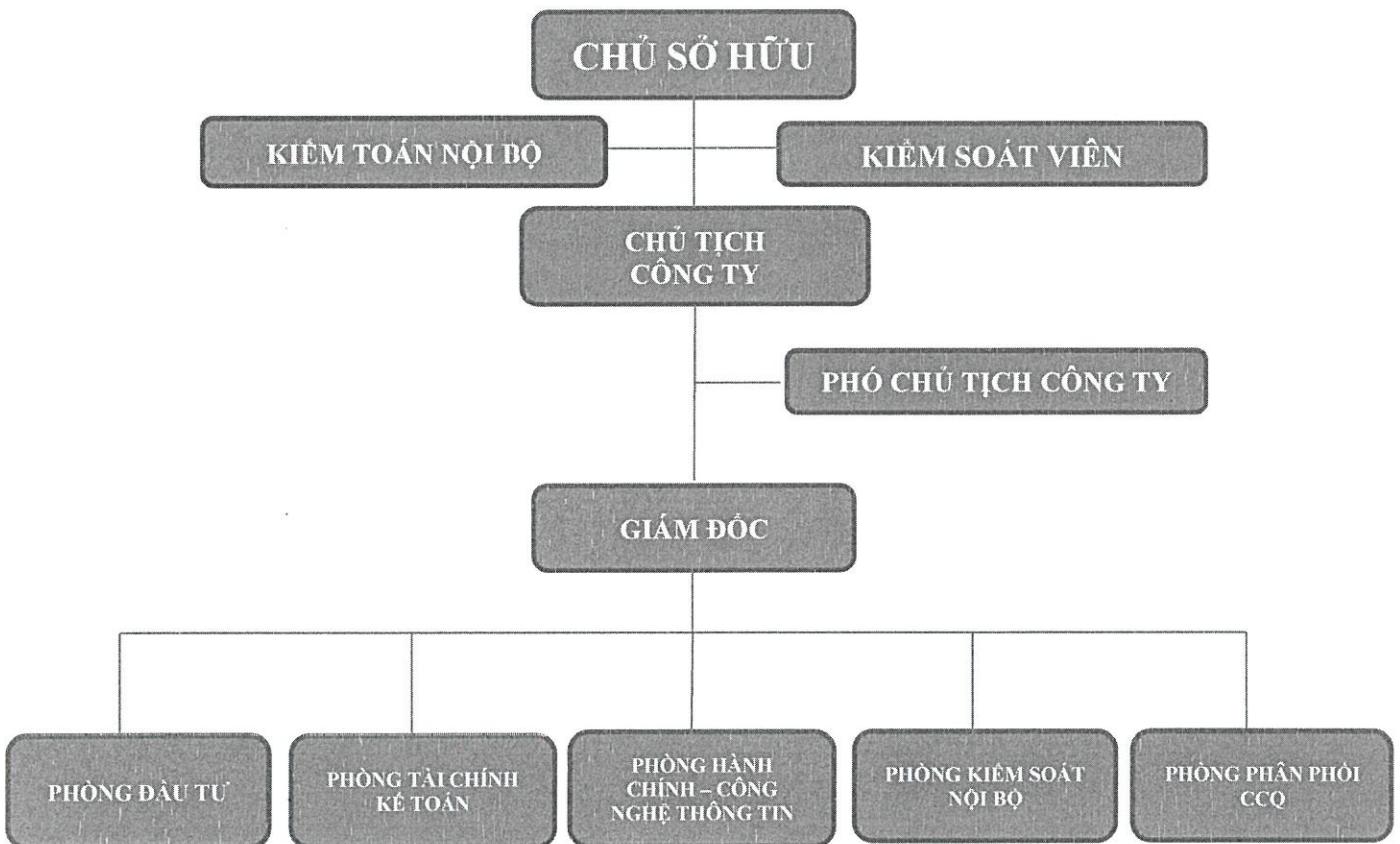
Tại thời điểm cuối năm 2018, tỷ lệ phân bổ tài sản vào Trái phiếu Chính phủ đạt 51.99%, Trái phiếu Chính phủ đảm bảo 12.66%, Trái phiếu đô thị chiếm 5.42%, Trái phiếu doanh nghiệp 3.09%, Tiền gửi có kỳ hạn 19.93% và phần còn lại là tiền mặt trên tổng giá trị tài sản của danh mục.



QUẢN TRỊ TỐT NÂNG ĐỠ TƯƠNG LAI

Sơ Đồ Tổ Chức

Mô hình tổ chức



Định hướng phát triển

➤ Mục tiêu chủ yếu của công ty:

- a. Tạo ra nhiều sản phẩm ưu việt để khách hàng lựa chọn cho kế hoạch tài chính lâu dài, thông qua việc thành lập và quản lý các Quỹ đại chúng dạng mở. Đáp ứng được các mục tiêu đầu tư đa dạng của Nhà đầu tư với các khẩu vị rủi ro khác nhau.
- b. Tiếp tục quản lý danh mục đầu tư cho tổ chức cũng như cá nhân tại thị trường Việt Nam. Kịp thời nắm bắt các cơ hội trên thị trường tài chính nhằm tối ưu hóa lợi suất đầu tư cho Nhà đầu tư.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- a. Hướng đến các Nhà đầu tư đại chúng thông qua việc phát triển các Quỹ đại chúng dạng mở.
- b. Phát triển hệ thống các Quỹ đầu tư đa dạng phù hợp với đa dạng đối tượng đầu tư.
- c. Hướng đến việc xây dựng và chuẩn bị cho việc ra đời các sản phẩm Quỹ mới cho NĐT.
- d. Đảm bảo sự tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý về hoạt động đầu tư và Quản lý danh mục đầu tư.

➤ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- a. Tích cực thực hiện tốt các hoạt động xã hội cộng đồng công tác an sinh xã hội.
- b. Tiếp tục tham gia vào các dự án hỗ trợ cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Các rủi ro chính

Công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình đầu tư, trong đó có thể kể đến những rủi ro chính như sau:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra với các khoản đầu tư vào trái phiếu và các tài sản thu nhập cố định khác. Rủi ro này thường phát sinh khi các bên phát hành công cụ nợ mất khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ (nợ lãi, nợ gốc và các khoản nợ khác) đối với các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ đầu tư vào.

b. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty Quản lý Quỹ hay giá trị các khoản đầu

tư của Công ty Quản lý Quỹ.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là loại rủi ro xuất hiện khi có sự thay đổi của lãi suất thị trường hoặc những yếu tố có liên quan đến lãi suất dẫn đến nguy cơ biến động định giá của trái phiếu và các công cụ nợ đang được Công ty Quản lý Quỹ nắm giữ. Sự thay đổi về lãi suất kỳ vọng làm ảnh hưởng đến giá trị của các khoản đầu tư của Công ty quản lý quỹ.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản hàm ý mức độ dễ dàng hay khó khăn khi mua hoặc bán lại các tài sản đầu tư trong danh mục.

e. Rủi ro tái đầu tư

Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ và gốc trái phiếu nhận được vào thời điểm đáo hạn được đem đi tái đầu tư nhằm thu lợi nhuận (lãi-trên-lãi). Rủi ro tái đầu tư phát sinh khi mặt bằng lãi suất tại thời điểm tái đầu tư thấp hơn so với lãi suất kỳ vọng trước đó.

f. Rủi ro về hiệu quả đầu tư thấp

Rủi ro về hiệu quả đầu tư thấp là việc Nhà đầu tư rút vốn do hoạt động đầu tư không mang lại lợi nhuận đáp ứng được kỳ vọng

g. Rủi ro hoạt động:

Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV của Quỹ đang quản lý dẫn đến Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư.



Ban Điều Hành



Ông Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch công ty

Ông Tuấn được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc của Chubb Life Việt Nam vào năm 2005. Ông giữ vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty từ năm 2012 cho đến nay. Với vị trí đang nắm giữ, ông chịu trách nhiệm quản lý vận hành hai công ty thành viên 100% vốn sở hữu của tập đoàn Chubb, gồm: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. Ông đồng thời nắm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Cấp Cao Chubb Life Toàn Cầu. Ông Tuấn tốt nghiệp ngành Kỹ Sư và ngành Quản trị kinh doanh tại trường Đại học California (Mỹ). Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life.



Ông Nguyễn Hồng Sơn - CPA
Phó Chủ tịch công ty

Ông Nguyễn Hồng Sơn hiện là Phó Tổng Giám Đốc thường trực, kiêm Giám đốc Tài chính của Chubb Life Việt Nam. Ông Sơn có kinh nghiệm lâu năm về kế toán và kiểm toán. Ông từng giữ nhiều chức vụ cấp cao tại các tập đoàn đa quốc gia như KPMG, Cargill Việt Nam trước khi tham gia vào Ban điều hành cấp cao của Chubb Life Việt Nam. Ông Nguyễn Hồng Sơn tốt nghiệp Khoa Tài chính Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; tốt nghiệp Cao học Quản trị Kinh doanh tại Đại học Hawaii, và có bằng Kế toán Mỹ Cao cấp của Đại học Loyola (Chicago, Mỹ). Ông cũng sở hữu chứng chỉ Kế toán viên Công chứng Hoa Kỳ (CPA) và Kế toán viên Công chứng Việt Nam. Ông cũng là hội viên Hội Kế toán viên Công chứng Australia (CPA Australia).





Bà Lê Thị Hồng Thái - CFA
Giám đốc

Bà Lê Thị Hồng Thái hiện là Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. Bà Thái có kinh nghiệm làm việc cho công ty Bloomberg tại Singapore và quỹ Pureheart tại Hong Kong. Bà Thái cũng có kinh nghiệm quản lý Quỹ sản phẩm Liên kết đầu tư cho Chubb Life Việt Nam, đem lại hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng. Bà Thái tốt nghiệp trường Đại học Quốc gia Singapore, chuyên ngành Tài chính với bằng Danh Dự. Bà Thái đạt chứng chỉ thành viên Hiệp hội Phân tích Tài chính Quốc Tế (CFA) vào năm 2011. Bà Thái là thành viên của Hiệp Hội CFA Singapore, và cũng là một thành viên tích cực của Nhóm thành viên CFA tại Việt Nam.

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Thôi nhiệm: Không có

Bổ nhiệm mới: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Nhân sự tính đến ngày 31/12/2018: 10 người trong đó có 04 nam và 06 nữ.

Trình độ: Thạc sỹ và trên thạc sỹ: 54%, Đại học: 46%

- Chế độ, chính sách dành cho người lao động:

Chubb Life FMC luôn đáp ứng theo Luật lao động Việt Nam. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo công ty luôn ưu tiên thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, công nhân viên (CBCNV) theo pháp luật lao động. Đồng thời, Lãnh đạo công ty cũng có chế độ chăm lo đến đời sống CBCNV trong những ngày Lễ, Tết nhằm động viên tinh thần CBCNV, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2019.



Bà Đỗ Thị Thu Nguyệt
Kế toán trưởng

Bà Đỗ Thị Thu Nguyệt hiện là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. Bà Nguyệt đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc với các tập đoàn tài chính lớn tại Việt Nam như Prudential, Manulife và Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.

Bà Nguyệt là cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Trường Đại Học Kinh tế TP.HCM.

11/1/2019

Báo Cáo Đánh Giá Của Ban Điều Hành Về Hoạt Động Của Công Ty

1. Đánh giá của Ban Điều hành về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện thành công đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng của Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Mở rộng Chubb - Quỹ đầu tư đại chúng dạng mở đầu tiên do Công ty quản lý. Sự ra đời của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb là nền tảng quan trọng cho việc phát triển Quỹ Hưu Trí bổ sung tự nguyện sau này của Công ty đồng thời củng cố thêm các cam kết lâu dài của Tập đoàn Chubb đối với khách hàng và nền kinh tế Việt Nam.

Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động trong việc tiến hành các hoạt động đầu tư, quản lý chi phí chặt chẽ, quản lý rủi ro thận trọng, tăng cường học hỏi để nâng cao năng lực làm việc, cải thiện kết quả đầu tư cho khách hàng.

Công ty đã hoàn thành khả quan các mục tiêu tài chính năm 2018; tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình quy định trong điều hành và quản lý doanh nghiệp; luôn hành động vì lợi ích của nhà đầu tư trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty mẹ.

Đối với người lao động của Công ty, Ban lãnh đạo luôn ưu tiên thực hiện giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách theo luật lao động đồng thời cũng chăm lo đến đời sống của cán bộ công nhân viên trong những ngày Lễ, Tết nhằm động viên tinh thần cán bộ công nhân viên, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2019.

Bên cạnh việc hoàn thành tốt các mục tiêu phát triển kinh doanh, cùng với công ty mẹ, Chubb Life FMC luôn tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, với niềm tin thay đổi cuộc sống của người dân vùng sâu vùng xa phải được bắt đầu từ việc cải thiện môi trường giáo dục và trình độ học vấn.

2. Các kế hoạch, định hướng của Ban Điều hành:

- Tiếp tục tập trung, nâng cao năng lực đầu tư và quản lý doanh nghiệp, mang lại kết quả đầu tư tốt nhất cho khách hàng.
- Cho ra đời các Quỹ đầu tư ở những phân khúc thị trường khác nhau.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hướng đến là một nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất và năng lực nhân sự cho việc ra đời Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.
- Nâng cao năng lực kinh doanh trái phiếu và sản phẩm tài chính trên thị trường chứng khoán.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP đạt 7.08%, vượt chỉ tiêu Chính Phủ đề ra, kết hợp với việc quản trị rủi ro và quản lý chi phí tốt đã giúp cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt kết quả khả quan, cụ thể:

- Tổng tài sản ủy thác cho Công ty tại thời điểm 31/12/2018 đạt 7.112 tỷ VND tăng 14% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 4.3 tỷ tăng 44.4% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Tình hình tài chính

Tổng tài sản của Công ty năm 2018 đạt 37 tỷ đồng, tăng 2.8 tỷ đồng so với năm 2017 (34.2 tỷ).

Tài sản của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư tiền gửi và các khoản tương đương tiền.

Trong năm 2018 Công ty không phát sinh các khoản phải thu khó đòi.

Về khả năng thanh toán, Công ty vẫn duy trì tỷ lệ thanh toán ở mức cao và ổn định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018 Công ty đã không ngừng cải tiến và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ nhằm hướng tới một tổ chức có bộ máy gọn nhẹ, chuyên nghiệp và hiệu quả.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật, xây dựng chính sách tiền lương, tiền thưởng và các chính sách, quy định đặc thù khác phù hợp với thực tế hoạt động, đảm bảo tính tuân thủ và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong môi trường hoạt động có cải thiện nhưng vẫn còn nhiều thách thức, Công ty sẽ tiếp tục bám sát chiến lược phát triển an toàn và hiệu quả. Theo đó, tăng cường nghiên cứu và bám sát diễn biến của thị trường tài chính, đưa ra quyết định đầu tư kịp thời nhằm mang lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho khách hàng; quản lý rủi ro chặt chẽ, đề cao tính tuân thủ trong mọi mặt hoạt động nhằm đảm bảo tăng trưởng, hiệu quả và an toàn ở mức cao hơn năm 2018.

Ban Điều hành cũng chỉ đạo tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và triển khai phát triển thêm sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư cũng như nghiên cứu và triển khai việc cho ra đời Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty Kiểm toán PwC đưa ra ý kiến các Báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn ý thức về việc bảo vệ môi trường. Năm 2018, Công ty luôn vận hành doanh nghiệp một cách cẩn trọng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và xã hội.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Ban lãnh đạo công ty luôn ưu tiên thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo luật lao động. Bên cạnh đó, lãnh đạo công ty luôn có chế độ chăm lo đến đời sống người lao động trong những ngày Lễ, Tết nhằm động viên tinh thần người lao động, tiếp tục hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong năm 2019.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn ý thức được trách nhiệm và vai trò của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện tốt hoạt động xã hội cộng đồng và trách nhiệm với công tác an sinh xã hội. Năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục tham gia vào các dự án hỗ trợ cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Y
C
U
H
C

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Báo Cáo Các Hoạt Động Liên Quan Đến Môi Trường Và Xã Hội Của Công Ty

Bên cạnh hoạt động phát triển kinh doanh Chubb Life FMC và công ty mẹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Chubb Life luôn dành sự quan tâm cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, góp sức tạo nên những giá trị lâu dài và bền vững cho cộng đồng địa phương. Từ ngày đầu thành lập đến nay, Chubb Life Việt Nam đã đóng góp gần 23 tỷ đồng (tương đương gần 1 triệu đô-la Mỹ) cho hoạt động xây mới 7 ngôi trường tại Việt Nam; đồng thời, công ty đã hỗ trợ thiết bị giáo dục và trao hơn 1.200 suất học bổng, nhằm khuyến khích các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

Trong năm 2018 ba công ty thuộc Tập đoàn Chubb tại Việt Nam Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam; Chubb Life Việt Nam và Chubb Life FMC - cùng tham gia “Ngày Chubb vì Cộng đồng 2018 ” tại Trường tiểu học Thạnh An (huyện Cần Giờ, TP.HCM). Trong khuôn khổ chương trình đoàn tình nguyện viên là nhân viên của Tập đoàn Chubb đã đến thăm, trao tặng trang thiết bị nhà trường, cùng 100 suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, dưới sự hướng dẫn của tình nguyện viên Chubb, các em học sinh đã tạo thêm nhiều góc cây xanh sinh động, trang trí cho hành lang lớp học và khuôn viên vườn trường.

Là thành viên của Chubb - tập đoàn bảo hiểm danh tiếng thế giới, Chubb Life FMC luôn nỗ lực hết mình để đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe nhất của ngành. Điều đó được Chubb Life FMC thể hiện qua hoạt động kinh doanh một cách minh bạch, hiệu quả theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nền kinh tế; tạo ra cơ hội việc làm cho người dân địa phương; tạo lập môi trường làm việc công bằng cho đội ngũ nhân viên cũng như không ngừng cải tiến dịch vụ và sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng khách hàng.

Hiện nay, Công ty chưa tham gia đến hoạt động thị trường vốn xanh nên chưa có Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.



m-gu

SỰ MINH BẠCH ĐẢM BẢO CƠ HỘI

Báo Cáo Tài Chính 2018

1. Ý kiến kiểm toán (trích ý kiến của kiểm toán trên Báo cáo tài chính)

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính áp dụng cho Công ty Quản lý Quý hoạt động tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm BCTC đã kiểm toán)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – CTQ)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – CTQ)	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B05 - CTQ)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTQ)	10

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 Số 13/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 6 năm 2014 Số 26/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 9 năm 2015 Số 03/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Ban Điều hành	Ông Lâm Hải Tuấn Ông Nguyễn Hồng Sơn Bà Lê Thị Hồng Thái	Chủ tịch Công ty Phó Chủ tịch Công ty Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lâm Hải Tuấn	Chủ tịch Công ty
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Chubb Life là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.	
Trụ sở chính	Lô K, Tầng 8, Tòa nhà Sun Wah Tower 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

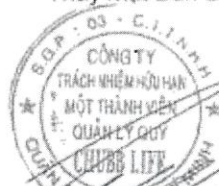
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Ban Điều hành của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, Ban Điều hành của Công ty phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên Quản lý quỹ Chubb Life ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 và được Ban Điều hành phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2019. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

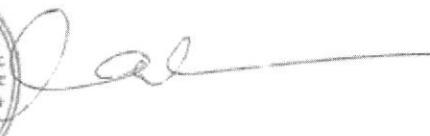
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)




Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7928
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019



Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2018-006-1




BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.829.703.529	16.218.874.392
110	Tiền	5.1	1.483.646.999	2.171.618.264
111	Tiền		1.483.646.999	2.171.618.264
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		22.400.000.000	13.200.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2(a)	22.400.000.000	13.200.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.639.713.759	716.578.106
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.3(a)	1.639.713.759	716.578.106
150	Tài sản ngắn hạn khác		306.342.771	130.678.022
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		306.342.771	130.678.022
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		11.175.749.859	16.197.643.594
210	Các khoản phải thu dài hạn		743.567.069	463.328.111
216	Phải thu dài hạn khác	5.3(b)	743.567.069	463.328.111
220	Tài sản cố định		270.879.540	136.344.009
221	Tài sản cố định hữu hình	5.4(a)	236.341.140	32.728.809
222	Nguyên giá		1.268.171.409	1.036.154.349
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.031.830.269)	(1.003.425.540)
227	Tài sản cố định vô hình	5.4(b)	34.538.400	103.615.200
228	Nguyên giá		345.384.000	345.384.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(310.845.600)	(241.768.800)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		10.000.000.000	15.400.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	5.2(b)	10.000.000.000	15.400.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		161.303.250	197.971.474
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	5.12(b)	161.303.250	197.971.474
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>37.005.453.388</u>	<u>32.416.517.986</u>


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2018 VND	2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.874.301.497	1.621.522.523
310	Nợ ngắn hạn		1.874.301.497	1.621.522.523
312	Phải trả người bán	5.5	242.566.582	4.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	5.6	351.161.023	307.631.509
315	Phải trả người lao động		458.851.643	315.927.643
316	Chi phí phải trả	5.7	808.518.240	980.857.371
319	Các khoản phải trả		15.206.000	4.106.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.131.151.891	30.794.995.463
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		35.131.151.891	30.794.995.463
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		456.557.594	239.749.773
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		456.557.594	239.749.773
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		8.218.036.703	4.315.495.917
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		4.315.495.917	1.612.314.999
420b	- LNST chưa phân phối năm nay		3.902.540.786	2.703.180.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.005.453.388	32.416.517.986



 Đỗ Thị Thu Nguyệt
 Người lập/Kế toán trưởng



 Lê Thị Hồng Thái
 Giám đốc



 Lâm Hải Tuấn
 Chủ tịch Công ty
 Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

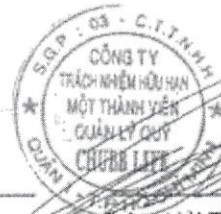
Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2018 VND	2017 VND	
01	Doanh thu	5.8	9.708.120.668	7.926.120.061
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		9.708.120.668	7.926.120.061
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.9	(2.601.161.979)	(2.382.046.478)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.106.958.689	5.544.073.583
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.10	2.157.815.843	1.872.061.471
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.11	(3.827.416.943)	(3.659.988.876)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.437.357.589	3.756.146.178
40	Lợi nhuận thuần khác		-	-
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế		5.437.357.589	3.756.146.178
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.12	(1.064.532.937)	(808.060.708)
52	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.12	(36.668.224)	55.448.884
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.336.156.428	3.003.534.354



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



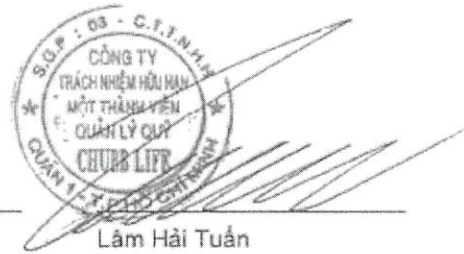
Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	5.437.357.589	3.756.146.178
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	97.481.529	240.749.333
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.157.815.843)	(1.872.061.471)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	3.377.023.275	2.124.834.040
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	25.231.094	(34.417.185)
11	Tăng các khoản phải trả	218.151.410	387.069.885
12	Tăng chi phí trả trước	(175.884.749)	(56.316.374)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5.6 (1.029.905.373)	(739.282.461)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.414.835.657	1.681.887.905
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(232.017.000)	-
25	Tiền chi để đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.800.000.000)	(3.600.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	929.210.138	1.683.055.557
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.102.806.922)	(1.916.944.443)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(687.971.265)	(235.056.538)
60	Tiền đầu năm	5.1 2.171.618.264	2.406.674.802
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền cuối năm	5.1 1.483.646.999	2.171.618.264

 Đỗ Thị Thu Nguyệt
 Người lập/Kế toán trưởng

 Lê Thị Hồng Thái
 Giám đốc

 Lâm Hải Tuấn
 Chủ tịch Công ty
 Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

Mẫu số B05 – CTQ

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

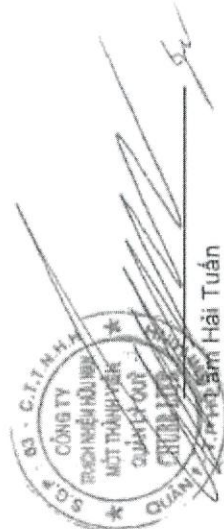
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tái chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	26.000.000.000	89.573.055	89.573.055	1.612.314.999	27.791.461.109
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.003.534.354	3.003.534.354
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.16)	-	150.176.718	150.176.718	(300.353.436)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	26.000.000.000	239.749.773	239.749.773	4.315.495.917	30.794.995.463
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.336.156.428	4.336.156.428
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.16)	-	216.807.621	216.807.621	(433.615.642)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	26.000.000.000	456.557.594	456.557.594	8.218.036.703	35.131.151.891



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Trần Văn Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty
Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life) ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 52/GP-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có thời hạn là 50 năm kể từ ngày của Giấy phép thành lập và hoạt động đầu tiên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/GPĐC-UBCK để thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Ngày 21 tháng 9 năm 2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GPĐC-UBCK để tăng vốn điều lệ lên 26.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 4 tháng 4 năm 2016, căn cứ vào Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 03/GPĐC-UBCK được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đổi tên từ Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ ACE Life thành Công ty TNHH một thành viên quản lý quỹ Chubb Life.

Công ty là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được sở hữu toàn bộ bởi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (tên trước đây là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ ACE Việt Nam), một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 10 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 11 nhân viên).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.7.1
H
Y
C
H

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (tiếp theo)**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua hoặc tỷ giá bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn.

4.2 Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hằng kỳ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.



4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban điều hành đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền thuê văn phòng trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4.8 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.9 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.11 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ bao gồm phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được hưởng theo Điều lệ Quỹ. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Liên kết chung, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Chủ hợp đồng có tham gia chia lãi và Quỹ Chủ hợp đồng không tham gia chia lãi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam (“Quỹ”). Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ này. Phí này được tính hàng tháng.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

4.12 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê văn phòng; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.15 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt như giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.16 Trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước. Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014. Hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được ghi nhận vào chỉ tiêu “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” – Mã số 419 trên bảng cân đối kế toán.

4.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**5.1 TIỀN**

	2018 VND	2017 VND
Tiền mặt	3.000.000	3.000.000
Tiền gửi ngân hàng	1.480.646.999	2.168.618.264
	<u>1.483.646.999</u>	<u>2.171.618.264</u>

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng.

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo, các khoản này được trình bày là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, các khoản này được trình bày là các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

	2018		2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
(a) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng thương mại cổ phần ("TMCP") Á Châu	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	5.200.000.000	5.200.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	2.500.000.000	2.500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>22.400.000.000</u>	<u>22.400.000.000</u>	<u>13.200.000.000</u>	<u>13.200.000.000</u>

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

	2018		2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
(b) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	-	700.000.000	700.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>15.400.000.000</u>	<u>15.400.000.000</u>

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	2018		2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.639.352.709	-	700.193.056	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	-	-	7.024.000	-
Phải thu khác	361.050	-	361.050	-
	<u>1.639.713.759</u>	<u>-</u>	<u>716.578.106</u>	<u>-</u>

(b) Phải thu dài hạn khác

	2018		2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	553.315.069	-	273.076.111	-
Đất cọc thuê văn phòng	190.252.000	-	190.252.000	-
	<u>743.567.069</u>	<u>-</u>	<u>463.328.111</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Năng cấp văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	467.902.325	568.252.024	1.036.154.349
Mua trong năm	232.017.060	-	232.017.060
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	699.919.385	568.252.024	1.268.171.409
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	467.902.325	535.523.215	1.003.425.540
Khấu hao trong năm	7.733.902	20.670.827	28.404.729
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	475.636.227	556.194.042	1.031.830.269
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	32.728.809	32.728.809
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	224.283.158	12.057.982	236.341.140

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 932.800.217 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 932.800.217 đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phản mêm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018	345.384.000
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	241.768.800
Khấu hao trong năm	69.076.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	310.845.600
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	103.615.200
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	34.538.400

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.5 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2018		2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	242.566.582	242.566.582	4.000.000	4.000.000

(*) Chi liệt các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn:

	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Stoxplus	112.860.000	-
Công ty TNHH Truyền Thông Phạm	124.982.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn thanh toán.

5.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2018 VND	2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") – hiện hành	319.041.920	284.414.356
Thuế thu nhập cá nhân	32.119.103	23.217.153
	<u>351.161.023</u>	<u>307.631.509</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2018 VND
Thuế TNDN – hiện hành	284.414.356	1.064.532.937	(1.029.905.373)	319.041.920
Thuế thu nhập cá nhân	23.217.153	611.232.916	(602.330.966)	32.119.103
Tổng cộng	<u>307.631.509</u>	<u>1.675.765.853</u>	<u>(1.632.236.339)</u>	<u>351.161.023</u>

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5.7 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí tiền lương	647.432.499	841.517.121
Khác	159.083.750	148.340.250
	<u>806.516.249</u>	<u>989.857.371</u>

5.8 DOANH THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 7(a))	<u>9.708.120.668</u>	<u>7.926.120.061</u>

5.9 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	1.801.202.333	1.604.597.895
Chi phí thuê văn phòng	635.550.300	598.294.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.076.800	69.076.800
Các chi phí khác	95.332.546	110.077.383
	<u>2.601.161.979</u>	<u>2.382.046.478</u>

5.10 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền gửi được hưởng.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.11 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	2.184.020.648	2.248.704.533
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	732.532.844	691.276.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.404.729	171.672.533
Chi phí các dịch vụ chuyên nghiệp	441.701.655	233.585.346
Chi phí công cụ dụng cụ	33.850.635	36.025.291
Chi phí khác	406.906.432	278.725.038
	<u>3.827.416.943</u>	<u>3.659.988.876</u>

5.12 THUẾ

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.437.357.589	3.756.146.178
Thuế tính ở thuế suất áp dụng 20%	1.087.471.518	751.229.236
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	13.729.644	1.382.588
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.101.201.162</u>	<u>752.611.824</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	1.064.532.937	808.060.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	36.668.224	(55.448.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>1.101.201.161</u>	<u>752.611.824</u>

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.12 THUẾ (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2018 VND	2017 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>161.303.250</u>	<u>197.971.474</u>

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tại ngày 1 tháng 1	197.971.474	142.522.590
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	<u>(36.668.224)</u>	<u>55.448.884</u>
Tại ngày 31 tháng 12	<u>161.303.250</u>	<u>197.971.474</u>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ các chi phí phải trả.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có khả năng thực hiện được các lợi ích về thuế đối với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng; và
- Rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào. Công ty cũng không chịu rủi ro trọng yếu về giá của hàng hóa.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Ban Điều hành của Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm các khoản ngắn hạn với số tiền là 1.874.301.497 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.621.522.523 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2018 VND	2017 VND
Dưới 1 năm	1.142.064.000	1.142.064.000
Từ 1 đến 5 năm	1.332.408.000	2.474.472.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.474.472.000	3.616.536.000

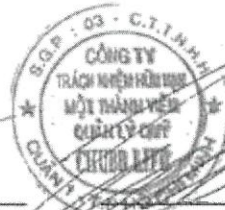
Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành của Công ty phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2019.



Đỗ Thị Thu Nguyệt
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Thái
Giám đốc



Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch Công ty

